

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch vùng nguyên liệu đất san lấp mặt bằng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Công văn số 855/HĐND-TH ngày 04/12/2017 của Thường trực HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch vùng nguyên liệu đất san lấp mặt bằng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 741/TTr-TNMT ngày 24/10/2017 và Tờ trình số 890/TTr-TNMT ngày 28/11/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung Quy hoạch vùng nguyên liệu đất san lấp mặt bằng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 (ban hành theo Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh), với các nội dung chính sau:

1. Bổ sung thêm 13 khu vực vào quy hoạch vùng nguyên liệu đất san lấp mặt bằng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 (*thuộc địa bàn các huyện: Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Dũng, Lạng Giang và Việt Yên*), với tổng diện tích 58,5ha, tài nguyên dự báo 9.680.000 m³ (*chi tiết tại Phụ lục 1*).

2. Điều chỉnh mở rộng diện tích 02 khu vực đã quy hoạch vùng nguyên liệu đất san lấp mặt bằng tại huyện Lục Nam và huyện Lục Ngạn (*chi tiết theo Phụ lục 2*).

Lý do điều chỉnh, bổ sung quy hoạch: Đáp ứng nguyên liệu đất đắp nền, san lấp mặt bằng các dự án công trình xây dựng trọng điểm của tỉnh Bắc Giang (*khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang, khu đô thị mới Mỹ Độ, cầu Đồng Sơn, cầu Á Lữ và đường dẫn lên cầu theo hình thức hợp đồng BT, Trung tâm Logistics Quốc tế thành phố Bắc Giang, Khu đô thị Đình Trám-Sen Hồ, huyện Việt Yên, Cụm công nghiệp Lan Sơn, huyện Lục Nam; mở rộng các Khu công nghiệp Song Khê-Nội Hoàng, Khu công nghiệp Vân Trung, Khu công nghiệp Quang Châu, ...*) và các công trình cơ sở, hạ tầng xây dựng nông thôn mới của địa phương đến năm 2020.

3. Đưa 14 khu vực ra khỏi quy hoạch vùng nguyên liệu đất san lấp mặt bằng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 (thuộc địa bàn các huyện: Việt Yên, Tân Yên, Yên Thế, Lạng Giang, Hiệp Hòa, Lục Nam), với tổng diện tích 53,6 ha (chi tiết tại Phụ lục 3).

Lý do đưa ra khỏi quy hoạch: Những khu vực trên là những dải địa hình, điểm cao có giá trị đặc biệt quan trọng trong Quyết tâm tác chiến phòng thủ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa của Chỉ huy Trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh được Tư lệnh Quân khu 1 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung năm 2017. Một số điểm gần các tuyến đường dân sinh đã được bê tông hóa, không thuận tiện khi vận chuyển đất đi san lấp.

4. Các nội dung khác: Tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch vùng nguyên liệu đất san lấp mặt bằng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020.

Điều 2. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Công khai vị trí, tọa độ các khu vực được bổ sung Quy hoạch trên trang thông tin điện tử của Sở; chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện Quy hoạch theo quy định.

2. Bàn giao các khu vực đã bổ sung Quy hoạch tại thực địa cho các huyện: Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Dũng, Lạng Giang, Hiệp Hòa và Việt Yên, UBND các xã liên quan để quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác; bảo đảm an ninh, trật tự xã hội tại khu vực mỏ có khoáng sản.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh; Cục Thuế tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Dũng, Lạng Giang, Hiệp Hòa, Việt Yên và Chủ tịch UBND các xã, các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TN, Thắng.

Bản điện tử:

- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, CN, MT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lại Thanh Sơn



**PHẠM VI VÀ KINH VỰC BỔ SUNG QUY HOẠCH VÙNG NGUYÊN LIỆU SAN LẤP MẶT BẰNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2020**

Kèm theo Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh

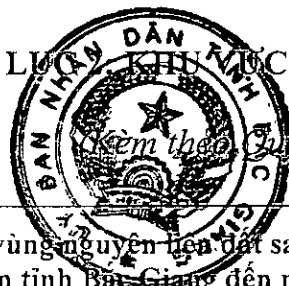
STT	Địa điểm	Tọa độ trung tâm (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105 ⁰ , múi 6 ⁰)		Loại đất, hiện trạng	Quy mô		Mục đích quy hoạch	Giai đoạn quy hoạch	Ghi chú
		X (m)	Y (m)		Diện tích (m ²)	Tài nguyên dự báo (m ³)			
I	Huyện Việt Yên (02 khu vực)				36.000	360.000			
1	Khu vực núi Nghè, thôn Bình Minh, xã Minh Đức và thôn Lai, xã Nghĩa Trung	2357 464	617 233	Đất lâm nghiệp	16.000	160.000	Thăm dò, khai thác	2017-2020	Đáp ứng nguyên liệu đất san lấp, đắp nền các công trình xây dựng tại các xã Việt Tiến, Hương Mai, Tự Lạn, Minh Đức, Nghĩa Trung, huyện Việt Yên; Khu đô thị Đình Trám-Sen Hồ, huyện Việt Yên; Khu công nghiệp Song Khê-Nội Hoàng, Khu công nghiệp Vân Trung, Khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên
2	Khu vực núi Ba Cây, thôn 2, xã Việt Tiến	2359 660	607 807	Đất lâm nghiệp	20.000	200.000	Thăm dò, khai thác	2017-2020	
II	Huyện Lục Ngạn (02 khu vực)				193.000	3.830.000			
1	Khu vực núi Bồng, thôn Bồng, xã Phượng Sơn	2358 355	651 930	Đất lâm nghiệp	70.000	3.500.000	Thăm dò, khai thác	2017-2020	Đáp ứng nguyên liệu đất san lấp, đắp nền các công trình xây dựng trên địa bàn huyện Lục Ngạn
2	Khu vực đồi Quăn, thôn Hòa Mục, thôn Xuân An, xã Mỹ An	2360 169	658 927	Đất lâm nghiệp	33.000	330.000	Thăm dò, khai thác	2017-2020	

STT	Địa điểm	Tọa độ trung tâm (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105 ⁰ , múi 6 ⁰)		Loại đất, hiện trạng	Quy mô		Mục đích quy hoạch	Giai đoạn quy hoạch	Ghi chú
		X (m)	Y (m)		Diện tích (m ²)	Tài nguyên dự báo (m ³)			
III	Huyện Lục Nam (04 khu vực)				190.000	2.070.000			
1	Khu vực núi Mào Gà, thôn Hồ Sâu, xã Nghĩa Phương	2355 982	651 720	Đất lâm nghiệp	50.000	750.000	Thăm dò, khai thác	2017-2020	Đáp ứng nguyên liệu đất san lấp, đắp nền các công trình xây dựng tại các xã Nghĩa Phương, Huyện Sơn, Chu Điện, huyện Lục Nam; Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang; Cụm công nghiệp Lan Sơn, huyện Lục Nam; Khu đô thị mới Mỹ Độ, cầu Đồng Sơn, cầu Á Lữ và đường dẫn lên cầu theo hình thức hợp đồng BT; Trung tâm Logistics Quốc tế thành phố Bắc Giang
2	Khu vực đồi Lương Rứa, thôn Lương Khoai, xã Huyền Sơn	2350 630	646 038	Đất lâm nghiệp	40.000	320.000	Thăm dò, khai thác	2017-2020	
3	Khu đồi Hà Tú, thôn Hà Tú, xã Chu Điện (tiếp giáp với khu đất mà Doanh nghiệp tư nhân Xuân Trường đã khai thác đất để thi công đường tỉnh 293)	2354 541	640 895	Đất lâm nghiệp	60.000	600.000	Thăm dò, khai thác	2017-2020	
4	Khu vực núi Quán Giếng, thôn Ngạc Lâu, xã Nghĩa Phương	2356 873	652 376	Đất lâm nghiệp	40.000	400.000	Thăm dò, khai thác	2017-2020	
IV	Huyện Lạng Giang (02 khu vực)				100.000	1.500.000			
1	Khu Hồ Dãy, thôn Kép 11, xã Hương Sơn	2366 700	634 060	Đất lâm nghiệp	50.000	750.000	Thăm dò, khai thác	2017-2020	Đáp ứng nguyên liệu đất san lấp, đắp nền các công trình xây dựng tại huyện Lạng Giang (tuyến đường cao tốc Bắc Giang-thành phố Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT; Khu đô thị mới phía Tây thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang; các khu đấu giá quyền sử dụng đất của huyện)
2	Khu vực Hồ Vầu, xã Tân Hưng	2363 040	635 920	Đất lâm nghiệp	50.000	750.000	Thăm dò, khai thác	2017-2020	



STT		Tọa độ trung tâm (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105 ⁰ , múi 6 ⁰)		Loại đất, hiện trạng	Quy mô		Mục đích quy hoạch	Giai đoạn quy hoạch	Ghi chú
		X (m)	Y (m)		Diện tích (m ²)	Tài nguyên dự báo (m ³)			
V	Huyện Yên Dũng (03 khu vực)				156.000	1.920.000			
1	Khu vực núi Cầu, thôn Liên Sơn, xã Lão Hộ	2352 600	634 520	Đất lâm nghiệp	80.000	1.200.000	Thăm dò, khai thác	2017-2020	Đáp ứng nguyên liệu đất san lấp, đắp nền các công trình xây dựng: Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang; Cụm công nghiệp Lan Sơn, huyện Lục Nam; Khu đô thị mới Mỹ Độ, cầu Đồng Sơn, cầu A Lữ và đường dẫn lên cầu theo hình thức hợp đồng BT; Trung tâm Logistics Quốc tế TP Bắc Giang
2	Núi Trại Chín, thôn Phụng Sơn, xã Trí Yên và thôn Quỳnh, xã Quỳnh Sơn	2349 752	635 979	Đất lâm nghiệp	40.000	360.000	Thăm dò, khai thác	2017-2020	
3	Khu núi Bà Nông, thôn Ngò, xã Tân An và thôn Thượng Tùng, xã Lão Hộ	2352 455	633 531	Đất lâm nghiệp	36.000	360.000	Thăm dò, khai thác	2017-2020	

**PHỤ LỤC KHU VỰC ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH VÙNG NGUYÊN LIỆU ĐẤT SAN LẤP MẶT BẰNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2020**



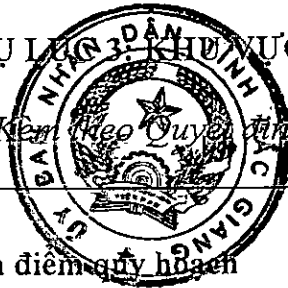
Kèm theo Quyết định số 1073 /QĐ-UBND ngày 08 /12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Quy hoạch vùng nguyên liệu đất san lấp mặt bằng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 (theo Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 26/01/2016)					Quy hoạch vùng nguyên liệu đất san lấp mặt bằng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 (sau khi điều chỉnh)					Ghi chú
Địa điểm quy hoạch	Tọa độ trung tâm		Diện tích (m ²)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Địa điểm quy hoạch	Tọa độ trung tâm		Diện tích (m ²)	Tài nguyên dự báo (m ³)	
	X (m)	Y (m)				X (m)	Y (m)			
Thôn Biêng, xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn	2359 116	600 748	30.000	300.000	Khu đôi Bờ Đắp, thôn Biêng, xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn	2359 328	660 810	70.000	700.000	Điều chỉnh mở rộng diện tích đã quy hoạch thêm 4,0ha để đáp ứng nguyên liệu đất san lấp, đắp nền các công trình xây dựng trên địa bàn huyện Lục Ngạn
Khu vực Rừng Làng, thôn Chính Hạ, xã Lan Mẫu, huyện Lục Nam	2354 258	638 880	10.000	100.000	Khu vực Rừng Làng, thôn Chính Hạ, xã Lan Mẫu, huyện Lục Nam	2354 258	638 880	36.000	360.000	Điều chỉnh mở rộng diện tích đã quy hoạch thêm 2,6ha để đáp ứng nguyên liệu đất san lấp, đắp nền các công trình xây dựng: Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang; Cụm công nghiệp Lan Sơn và đường Quốc lộ 31, đoạn từ thành phố Bắc Giang đi Lục Nam

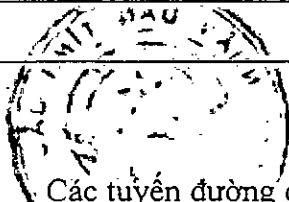


**PHỤ LỤC 3: KHU VỰC ĐƯA RA KHỎI QUY HOẠCH VÙNG NGUYÊN LIỆU SAN LẤP MẶT BẰNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)



STT	Địa điểm quy hoạch	Diện tích (m ²)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Quyết định phê duyệt Quy hoạch	Lý do đưa ra khỏi Quy hoạch
I	Huyện Việt Yên (01 khu vực)				
1	Khu vực Yên Xá, thôn Trúc Tay, xã Vân Trung	20.000	240.000	số 2104/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 và số 743/QĐ-UBND ngày 12/6/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh	Khu vực này là những dải địa hình, điểm cao có giá trị đặc biệt quan trọng trong Quyết tâm tác chiến phòng thủ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (theo Công văn số 711/BCH-TM ngày 19/6/2017 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh)
II	Huyện Yên Thế (03 khu vực)				
1	Khu vực Núi Vàng, thôn Bến Trăm, Đông Kinh, xã Đông Sơn	40.000	480.000	số 2104/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 và số 743/QĐ-UBND ngày 12/6/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh	Theo Công văn số 1016/BCH-TM ngày 12/9/2017 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
2	Khu vực Núi Đèo Tiên, thôn Trại Mới, xã Đồng Hưu	60.000	720.000		Theo Công văn số 711/BCH-TM ngày 19/6/2017 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
3	Khu vực Núi Đèo Tiên, thôn Trại Mới, xã Đồng Hưu	50.000	600.000		
III	Huyện Tân Yên (01 khu vực)				
1	Khu vực Xi Linh, thôn Phúc Lễ, xã Phúc Hòa	15.000	300.000	số 2104/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh	Theo Công văn số 711/BCH-TM ngày 19/6/2017 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

IV	Huyện Lục Nam (03 khu vực)				
1	Khu Khe Than, thôn Công Xanh, xã Nghĩa Phương	30.000	360.000	số 2104/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh	 Các tuyến đường dân sinh đã được bê tông hóa, không thuận tiện khi vận chuyển đất đi san lấp (theo đề nghị của UBND huyện Lục Nam tại văn bản số 88/UBND-TNMT ngày 27/11/2017)
2	Khu Rừng Vẽ, thôn Huệ Vắn 2, xã Bảo Sơn	20.000	240.000	số 2104/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh	
3	Khu rừng Sim, thôn Đồng Dinh, xã Tiên Nha	30.000	150.000	số 113/QĐ-UBND ngày 26/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh	
V	Huyện Hiệp Hòa (03 khu vực)				
1	Khu đồi Ai Cập, thôn Ai Cập, xã Hoàng An	81.000	405.000	số 2104/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh	Các tuyến đường dân sinh đã được bê tông hóa, không thuận tiện khi vận chuyển đất đi san lấp (theo đề nghị của UBND huyện Hiệp Hòa tại văn bản số 2803/UBND-TNMT ngày 20/10/2017)
2	Khu Nội Quan, thôn Nội Quan, xã Mai Trung	50.000	300.000		
3	Khu Cẩm Trung, thôn Cẩm Trung, xã Cẩm Trung	70.000	210.000		
VI	Huyện Lạng Giang (03 khu vực)				
1	Khu Tân Hòa, thôn Tân Hòa, xã Đào Mỹ	20.000	240.000	số 2104/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh	Các tuyến đường dân sinh đã được bê tông hóa, không thuận tiện khi vận chuyển đất đi san lấp (theo đề nghị của UBND huyện Lạng Giang tại văn bản số 1488/UBND-TNMT ngày 27/11/2017)
2	Khu Vinh Quang, thôn Vinh Quang, xã Yên Mỹ	30.000	360.000		
3	Khu đồi Đầm Làng, thôn Thân Thuận, xã Tân Thanh	20.000	240.000		
	Tổng cộng (14 khu vực)	536.000	4.845.000		